

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4099**/UBND-NCKSTT

Đắk Nông, ngày **12** thán 8 năm 2020

V/v chuẩn bị một số nội dung tổ  
chức Hội nghị trực tuyến

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Văn phòng UBND tỉnh.

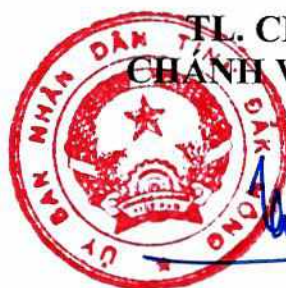
Thực hiện Công văn số 182/BNV-CQĐP ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc mời dự Hội nghị trực tuyến (*Phô tô kèm theo*). Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chuẩn bị các nội dung, tài liệu phục vụ tại Hội nghị; tham mưu UBND tỉnh nội dung phát biểu tại Hội nghị (nếu có).
2. Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh phát hành giấy mời, kiểm tra kết nối đường truyền, chuẩn bị phòng họp và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức Hội nghị trực tuyến tại Văn phòng UBND tỉnh.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: KTTH, HCQT;
- Lưu: VT, NCKSTT(La).



**TL. CHỦ TỊCH  
CHẠNH VĂN PHÒNG**

**Hoàng Văn Thuận**



**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 182 /BNV-CQĐP

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

V/v mời dự Hội nghị trực tuyến

Kính gửi: .....

Thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” và Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 – 2021, Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị trực tuyến về nội dung các Nghị quyết và Quyết định nêu trên, thời gian bắt đầu từ 08h00’ thứ Tư, ngày 19/8/2020.

Bộ Nội vụ trân trọng đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham dự Hội nghị trực tuyến<sup>(1)</sup>, cụ thể:

**1. Điểm cầu tại Bộ Nội vụ:**

- Chủ trì: Lãnh đạo Bộ Nội vụ.
- Đại diện Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan.

**2. Điểm cầu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:**

Mời đại diện Lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (chủ trì), Sở Nội vụ và đại diện một số Sở, ngành có liên quan.

Bộ Nội vụ đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham dự đầy đủ thành phần, để Hội nghị đạt kết quả tốt.

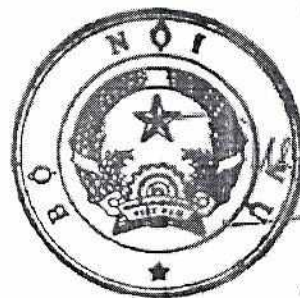
*(Các tỉnh, thành phố trình bày Tham luận có danh sách kèm theo).*

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Lưu: VT, CQĐP (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Anh Tuấn**

<sup>1</sup> - Tài liệu Hội nghị trực tuyến được gửi kèm theo Giấy mời này.

**DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ  
TRÌNH BÀY THAM LUẬN TẠI HỘI NGHỊ**

*(Kèm theo Công văn số 182 /BNV-CQDP, ngày 11 /8/2020 của Bộ Nội vụ)*

---

**I. Các tỉnh, Thành phố trình bày Tham luận 513**

1. Thành phố Hà Nội;
2. Tỉnh Lâm Đồng;
3. Thành phố Đà Nẵng;
4. Tỉnh Bình Dương;
5. Tỉnh Tiền Giang;
6. Tỉnh Đồng Tháp.

**II. Các tỉnh trình bày Tham luận về sắp xếp ĐVHC**

1. Tỉnh Quảng Ninh;
2. Tỉnh Nghệ An;
3. Tỉnh Cao Bằng;
4. Tỉnh Thanh Hóa./.



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**HỘI NGHỊ TRUYỀN HÌNH TRỰC TUYẾN GIAO BAN CÔNG TÁC TRIỂN KHAI**  
**DỰ ÁN 513 VÀ THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**  
*(Ngày 19/8/2020, tại Bộ Nội vụ và 63 điểm cầu tại UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)*

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI CHỦ TRÌ
1	Từ 8h00' - 8h30'	Đón tiếp đại biểu và phát TL	Vụ CQĐP
2	Từ 8h30' - 8h35'	Giới thiệu đại biểu	Chánh Văn phòng Bộ
3	Từ 8h35' - 8h45'	Phát biểu khai mạc	Bộ trưởng Bộ Nội vụ
4	Từ 8h45' - 9h05'	Báo cáo tóm tắt tình hình, kết quả triển khai Dự án 513 và thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã.	Vụ CQĐP, Bộ Nội vụ.
5	Từ 9h05' - 9h15'	Báo cáo về kỹ thuật triển khai thực hiện Dự án 513	Cục Đo đạc, Bản đồ và TTĐLVN, BTNMT
6	Từ 9h15' - 10h15'	10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo tham luận	Đại diện UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.
7	Từ 10h15' - 11h15'	Đại diện các Bộ, ngành, địa phương phát biểu ý kiến	Chủ trì hội nghị
8	Từ 11h15' - 11h35'	Tiếp thu, giải đáp ý kiến kiến nghị của các địa phương	- Đ/c Trần Anh Tuấn, TTr Bộ Nội vụ; - Đ/c Nguyễn Thị Hoa, TTr Bộ TN và MT
9	Từ 11h35' - 12h00'	Phát biểu bế mạc	Bộ trưởng Bộ Nội vụ



*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**BÁO CÁO****Kết quả triển khai thực hiện Dự án 513  
và nhiệm vụ trong thời gian tới.**

Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” (viết tắt là Dự án 513); Quyết định số 874/QĐ-TTg ngày 25/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài thời gian triển khai thực hiện Dự án 513 đến hết ngày 31/12/2020 và trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các Bộ, cơ quan, địa phương<sup>1</sup>, Bộ Nội vụ xây dựng Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Dự án 513 và nhiệm vụ trong thời gian tới như sau:

**Phần thứ nhất****KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN 513**

Căn cứ nhiệm vụ triển khai thực hiện Dự án quy định tại các Quyết định số 513/QĐ-TTg, Quyết định số 874/QĐ-TTg nêu trên và các Quyết định số 785/QĐ-BNV ngày 31/8/2012, Quyết định số 2554/QĐ-BNV ngày 29/7/2016 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 513, các Bộ, cơ quan trung ương liên quan và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã chủ động triển khai thực hiện, cụ thể là:

**I. ĐỐI VỚI BỘ NỘI VỤ**

Bộ Nội vụ được giao là cơ quan chủ trì Dự án, có 04 nhiệm vụ, kết quả thực hiện như sau:

1. Về hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án; thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán các hạng mục công việc của Dự án tại địa phương và thẩm định, nghiệm thu các sản phẩm của Dự án

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 513/QĐ-TTg, Bộ Nội vụ đã chủ động phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan, địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện; thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo, Hội đồng thẩm định sản phẩm Dự án và soạn thảo các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 513<sup>2</sup>. Bộ Nội vụ đã ban

<sup>1</sup> Bộ Nội vụ đã nhận được báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính và 62 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thành phố Hà Nội chưa có báo cáo).

<sup>2</sup> Danh mục các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 513 tại Phụ lục I (kèm theo).



hành văn bản góp ý đối với Thiết kế kỹ thuật - Dự toán hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính của 62/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị không lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán thực hiện Dự án do đã triển khai Dự án chỉnh lý bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp thuộc địa phương trước khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 513/QĐ-TTg). Đã thẩm định và ban hành Quyết định công nhận sản phẩm Dự án 513 của 12/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đủ điều kiện đưa vào sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia.

2. Về việc giải quyết và trình cấp có thẩm quyền giải quyết các khu vực có bất cập về địa giới hành chính và xác định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo giữa các địa phương có biển.

a) Về việc giải quyết các khu vực địa giới hành chính cấp tỉnh do lịch sử để lại:

Khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án 513, cả nước có 16 khu vực chưa xác định được địa giới hành chính cấp tỉnh. Đến nay, Bộ Nội vụ đã chủ trì giải quyết và trình Chính phủ ban hành 07 Nghị quyết giải quyết dứt điểm được 15/16 khu vực, liên quan tới các tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Gia Lai, Kon Tum, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng khu vực liên quan giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng chưa giải quyết xong do 2 địa phương chưa thống nhất được phương án giải quyết.

b) Về xác định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo giữa các địa phương có biển.

Năm 2014, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng tổ chức làm điểm tại tỉnh Bình Định. Trên cơ sở đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng dự thảo nguyên tắc phân định ranh giới hành chính trên biển tại Báo cáo số 75/BC-BTNMT ngày 12/10/2015 trình Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9166/VPCP-NC ngày 05/11/2015 của Văn phòng Chính phủ và trên cơ sở phương án kỹ thuật phân định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo do Bộ Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, Bộ Nội vụ đang hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để 28 tỉnh, thành phố ven biển hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính theo quy định.

3. Về tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn triển khai thực hiện Dự án 513

- Tháng 10/2013, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan trung ương liên quan tổ chức 3 lớp tập huấn công tác triển khai thực hiện Dự án 513 đối với lãnh đạo, chuyên viên Sở Nội vụ và Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



- Tháng 4/2014 và tháng 7/2015, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan tổ chức các hội nghị giao ban khu vực (Bắc - Trung - Nam). Sau các hội nghị giao ban, Bộ Nội vụ đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương giải quyết những vướng mắc trong công tác triển khai thực hiện Dự án 513 và đôn đốc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Dự án 513 ở địa phương.

4. Về mua sắm trang thiết bị phục vụ việc quản lý cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính

Bộ Nội vụ đã xây dựng, đưa vào khai thác, sử dụng trang thông tin điện tử về hoạt động triển khai thực hiện Dự án và đang xây dựng phần mềm phục vụ công tác quản lý cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính theo yêu cầu của Dự án 513.

## **II. ĐỐI VỚI BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao là cơ quan quản lý kỹ thuật, có 05 nhiệm vụ, kết quả thực hiện như sau:

1. Về hướng dẫn kỹ thuật xác định đường địa giới, lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính

Để cụ thể hóa nội dung quy định về địa giới hành chính tại Luật đất đai số 45/2013/QH13, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 quy định kỹ thuật về xác định địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp (thay thế Quyết định số 12/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008); Thông tư số 49/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp (thay thế Thông tư số 03/2009/TT-BTNMT ngày 23/3/2009) nhằm phục vụ kịp thời việc triển khai Dự án 513.

2. Về cung cấp bản đồ địa hình Hệ tọa độ quốc gia VN - 2000 làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện Dự án.

a) Bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia VN- 2000 trên đất liền

Tháng 3/2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức bàn giao bản đồ nền địa hình Hệ tọa độ quốc gia VN- 2000 đã được chuyển vẽ nội nghiệp đường biên giới quốc gia, đường địa giới hành chính, mốc địa giới, điểm đặc trưng trên đường địa giới hành chính cho 55/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Riêng 08 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Giang, Vĩnh Phúc, Quảng Ngãi, Gia Lai, Long An, Cà Mau và Thành phố Hồ Chí Minh do đã triển khai Dự án tại địa phương trước khi có Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ nên Bộ Tài nguyên và Môi trường không đưa vào kế hoạch cung cấp bản đồ nền địa hình cho các địa phương này.

b) Bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia VN 2000 trên biển



Đã hoàn thành biên tập bộ bản đồ nền tỷ lệ 1: 50.000 (255 mảnh) và tỷ lệ 1: 250.000 (10 mảnh) phủ trùm vùng biển Việt Nam từ bờ biển ra đường cơ sở Lãnh hải phục vụ thực hiện phương án phân định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo Việt Nam. Đã bàn giao kết quả thực hiện phương án phân định ranh giới quản lý trên biển để Bộ Nội vụ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trước khi bàn giao cho 28 tỉnh, thành phố có biển hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp.

3. Về phối hợp giải quyết các khu vực có bất cập về địa giới hành chính và xác định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo giữa các địa phương có biển.

a) Về việc phối hợp giải quyết các khu vực địa giới hành chính cấp tỉnh do lịch sử để lại

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tham gia đoàn công tác liên ngành trung ương, địa phương khảo sát thực tế 16 khu vực địa giới hành chính cấp tỉnh do lịch sử để lại. Trên cơ sở đó, đã chuyển vẽ trạng khu vực lên bản đồ nền địa hình Hệ tọa độ quốc gia VN - 2000 và đề xuất phương án kỹ thuật xác định địa giới hành chính giữa các địa phương tại các khu vực này gửi Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết và trình Chính phủ ban hành 07 Nghị quyết giải quyết dứt điểm 15/16 khu vực nêu trên.

b) Về việc phối hợp xác định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo giữa các địa phương có biển.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng tổ chức làm điểm xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển tại tỉnh Bình Định. Trên cơ sở đó đã xây dựng các nguyên tắc và triển khai tại 28/28 tỉnh, thành phố có biển để hoàn thiện phương án kỹ thuật xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển gửi Bộ Nội vụ xem xét, lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ thực hiện, cụ thể là:

- Đối với tuyến cấp tỉnh, đã thống nhất được 21/27 tuyến, còn vướng mắc 06 tuyến chưa thống nhất do các địa phương có quan điểm khác nhau tại một điểm trên tuyến ranh giới, gồm: Hải Phòng - Thái Bình, Nam Định - Ninh Bình, Bình Định - Phú Yên, Phú Yên - Khánh Hòa, Ninh Thuận - Khánh Hòa, Ninh Thuận - Bình Thuận.

- Hoàn thành phương án phân định ranh giới quản lý biển, đảo của 129 đơn vị hành chính cấp huyện (không tính các huyện đảo Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Phú Quý và Côn Đảo).

- Hoàn thành phương án phân định ranh giới quản lý biển, đảo của 610 đơn vị hành chính cấp xã.

4. Công tác kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp.

- Từ năm 2017 đến tháng 6/2020, triển khai và hoàn thành kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo Dự án 513 của 37/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung



ương, trong đó đã đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, tổ chức hội nghị liên ngành trung ương thẩm định và quyết định công nhận sản phẩm của 12 tỉnh, thành phố: Kiên Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đắc Nông, Bình Phước, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Đồng Nai, Cần Thơ.

- 25 tỉnh, thành phố đã kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật nhưng chưa đề nghị Bộ Nội vụ tổ chức thẩm định do chưa hoàn thành việc sửa chữa, hoàn thiện theo ý kiến kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật, gồm: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bến Tre, Thái Nguyên, Đà Nẵng, Hưng Yên, Lào Cai, Tiền Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Giang, Hà Nội, Bình Dương, Tây Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Cà Mau, An Giang, Sơn La, Quảng Bình, Kon Tum, Đắc Lắc, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận và Thành phố Hồ Chí Minh.

- 26 tỉnh, thành phố chưa được kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật do địa phương chưa hoàn thành việc lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính, gồm: Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Điện Biên, Lai Châu, Long An, Lạng Sơn, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thanh Hóa, Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Yên Bái.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính các cấp.

Đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu địa giới hành chính và mua sắm trang thiết bị phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính.

Theo quy định kỹ thuật triển khai thực hiện Dự án 513 thì cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính được xây dựng trên cơ sở bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, công nhận đủ điều kiện đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ quốc gia. Hiện nay, Bộ Nội vụ đã thẩm định được 12 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trên cơ sở bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp được Bộ Nội vụ thẩm định, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã và đang hoàn thiện cơ sở dữ liệu của 12 tỉnh, thành phố nêu trên.

### **III. ĐỐI VỚI BỘ TÀI CHÍNH**

#### **1. Về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 513**

Thực hiện quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn luật Luật về chế độ chi tiêu hiện hành, Bộ Tài chính đã ban hành các công văn hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 513, gồm các Công văn: số 13878/BTC-HCSN ngày 17/10/2013; số 10621/BTC-HCSN ngày 31/7/2014; số 11013/BTC-HCSN ngày 07/8/2014; số 11324/BTC-HCSN ngày 13/8/2014.

#### **2. Về việc bố trí, sử dụng kinh phí**

Căn cứ tiến độ triển khai Dự án 513 tại các bộ, ngành trung ương và các địa phương; căn cứ khả năng cân đối NSNN, trên cơ sở đề nghị của Bộ Nội vụ và Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính đã tổng hợp trình cấp có thẩm



quyền bố trí dự toán ngân sách trung ương để thực hiện Dự án 513 cho các Bộ và bổ sung có mục tiêu cho địa phương giai đoạn 2012 – 2020 là 580.551 triệu đồng; bao gồm:

- Kinh phí bố trí dự toán cho các Bộ, ngành trung ương: 241.551 triệu đồng.

- Kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các địa phương: 339.000 triệu đồng.

#### **IV. ĐỐI VỚI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

Ngoài công tác chuẩn bị, như: Xây dựng kế hoạch; thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo; lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán triển khai thực hiện Dự án tại địa phương; 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ đúc mốc, chôn mốc, đo tọa độ mốc, vẽ sơ đồ vị trí mốc địa giới hành chính và lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và tổ chức hội nghị ký pháp lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của địa phương.

Căn cứ Thiết kế kỹ thuật - Dự toán hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính đã được Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng góp ý kiến và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt, các địa phương đã lựa chọn được nhà thầu thực hiện các hạng mục công việc của Dự án tại địa phương. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành khối lượng công việc theo tiến độ đề ra, cụ thể:

1. Về việc giải quyết những khu vực có sự không thống nhất giữa hiện trạng quản lý với hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính 364-CT.

Căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong các cả nước đã hiệp thương, thống nhất phương án giải quyết được 225/269 khu vực cấp tỉnh, 482/500 khu vực cấp huyện và 3.734/3.835 khu vực cấp xã có sự không thống nhất giữa hiện trạng quản lý với hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính 364-CT<sup>3</sup>.

2. Về mốc địa giới hành chính<sup>4</sup>

Tổng số mốc địa giới hành chính các cấp là 28.145 mốc, trong đó:

a) Mốc đúc mới, chôn mới là 8.667 mốc, tăng 353 mốc so với thiết kế.

b) Khôi phục mốc bị mất là 9.424 mốc, tăng 628 mốc so với thiết kế.

c) Mốc sửa chữa, gắn tâm là 8.812 mốc, giảm 1.968 mốc so với thiết kế.

d) Đo tọa độ, độ cao là 28.145 mốc, giảm 1.147 mốc so với thiết kế.

đ) Mốc 364-CT bị hủy là 1.192 mốc.

3. Về thành lập bản đồ địa giới hành chính<sup>5</sup>

<sup>3</sup> Chi tiết tại Phụ lục II (kèm theo).

<sup>4</sup> Chi tiết tại Phụ lục III (kèm theo).

<sup>5</sup> Chi tiết tại Phụ lục IV (kèm theo).



Tổng số đã lập được 55.041 mảnh bản đồ địa giới hành chính các cấp ở các tỷ lệ, trong đó:

- a) Tỷ lệ 1:2.000 có 13.804 mảnh, tăng 480 mảnh so với thiết kế.
- b) Tỷ lệ 1:5.000 có 12.536 mảnh, giảm 1 mảnh so với thiết kế.
- c) Tỷ lệ 1:10.000 có 24.152 mảnh, giảm 295 mảnh so với thiết kế.
- d) Tỷ lệ 1:25.000 có 3.381 mảnh, tăng 27 mảnh so với thiết kế.
- đ) Tỷ lệ 1:50.000 có 1.168 mảnh, giảm 111 mảnh so với thiết kế.

#### 4. Về thành lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp<sup>6</sup>

a) Tổng số đơn vị hành chính các cấp đã thành lập hồ sơ là 9.740 đơn vị, trong đó: Cấp xã là 9.083/10.614 đơn vị, cấp huyện là 601/707 đơn vị, cấp tỉnh là 56/63 đơn vị.

b) Tổng số hồ sơ địa giới hành chính các cấp đã được thành lập là 47.043/56.150 bộ, trong đó: cấp xã là 45.415/53.070 bộ, cấp huyện là 2.404/2.828 bộ, cấp tỉnh là 224/252 bộ.

### V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

#### 1. Mặt được (ưu điểm)

a) Bộ Nội vụ đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án. Đến hết tháng 7/2020, Bộ Nội vụ đã tham mưu đề Chính phủ ban hành 07 Nghị quyết và chủ trì đề các tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk hiệp thương, thỏa thuận giải quyết dứt điểm 15/16 khu vực địa giới hành chính cấp tỉnh do lịch sử để lại. Trên cơ sở Thiết kế kỹ thuật - Dự toán triển khai thực hiện Dự án 513 và đề nghị của các địa phương, Bộ Nội vụ đã tổng hợp, gửi Bộ Tài chính để cân đối hỗ trợ kinh phí cho 51 tỉnh có khó khăn không tự cân đối được ngân sách là 339.000 triệu đồng, góp phần giải quyết một phần khó khăn về kinh phí triển khai thực hiện Dự án 513 của các địa phương.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện các hạng mục công việc của Dự án được Thủ tướng Chính phủ giao. Đến hết năm 2015, cung cấp được bản đồ nền địa hình Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 đã được chuyển vẽ đường biên giới quốc gia, đường địa giới, mốc địa giới và các điểm đặc trưng trên đường địa giới hành chính cho 58/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có căn cứ tổ chức triển khai thực hiện Dự án 513 tại địa phương. Đã chủ động thực hiện khảo sát thực tế và đề xuất phương án kỹ thuật xác định địa giới hành chính tại 15/16 khu vực cấp tỉnh do lịch sử để lại và xác định ranh giới quản lý hành chính biên, đảo giữa 28 đơn vị hành chính cấp tỉnh, 129 đơn vị hành chính cấp huyện và 610 đơn vị hành chính cấp xã có biên để Bộ Nội vụ xem xét, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đặc biệt, đã kịp thời ban hành các văn bản quy định kỹ thuật và định mức xác

<sup>6</sup> Chi tiết tại Phụ lục V (kèm theo).



định đường địa giới hành chính, lập bản đồ địa giới hành chính để các địa phương căn cứ triển khai thực hiện Dự án 513.

c) Bộ Tài chính đã chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương về kinh phí triển khai thực hiện Dự án và cân đối ngân sách Trung ương, cấp kinh phí để các Bộ, cơ quan liên quan triển khai thực hiện Dự án theo kế hoạch và hỗ trợ một phần kinh phí cho các tỉnh có khó khăn không tự cân đối được ngân sách.

d) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã bám sát chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, cơ quan trung ương để xây dựng kế hoạch, thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo và lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán triển khai thực hiện Dự án 513 tại địa phương. Đến hết tháng 6/2020, có 37/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã nộp sản phẩm để Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật, trong đó sản phẩm của 12/63 tỉnh, thành phố đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định công nhận đủ điều kiện đưa vào quản lý và nộp lưu trữ quốc gia.

## **2. Mặt chưa được (hạn chế, tồn tại)**

a) Nhiệm vụ xác định ranh giới quản lý hành chính trên biển giữa các địa phương có biển chưa được triển khai theo tiến độ. Sau gần 2 năm Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thành xây dựng phương án kỹ thuật nhưng chưa trình được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển làm căn cứ hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp. Đặc biệt, thời hạn hoàn thành Dự án chỉ còn chưa đầy 6 tháng nhưng còn 26 tỉnh chưa hoàn thiện được sản phẩm để Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật trước khi trình Hội đồng thẩm định liên ngành trung ương và Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, nghiệm thu.

b) Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể nguồn kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện Dự án tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là từ ngân sách địa phương; Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ cho những địa phương có khó khăn, không tự cân đối được. Tuy vậy, nhiều địa phương chủ yếu chờ đợi kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương, chưa chủ động cân đối ngân sách địa phương cho việc triển khai thực hiện Dự án, đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai thực hiện Dự án tại các địa phương.

## **3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại**

a) Công tác chỉ đạo, phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ở Trung ương và địa phương còn chưa thường xuyên, do kết quả triển khai thực hiện các hạng mục công việc của Dự án 513 tại các Bộ, cơ quan, địa phương có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Khi các địa phương chưa hoàn thành sản phẩm của Dự án thì chưa có cơ sở để xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính. Mặt khác, việc phân định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì giữa 28 đơn vị hành chính cấp tỉnh, 129 đơn vị hành chính



cấp huyện và 610 đơn vị hành chính cấp xã có biên chưa đủ căn cứ để hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính.

b) Dự án 513 được triển khai trong thời kỳ kinh tế suy thoái, thu ngân sách rất khó khăn, nhiều địa phương không thể cân đối được kinh phí để triển khai thực hiện Dự án, một số địa phương đã có văn bản đề nghị Trung ương hỗ trợ 100% nhu cầu kinh phí, như: Bắc Kạn, Yên Bái, Hòa Bình, Nam Định, Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Đắk Lắk, Kon Tum, Bạc Liêu, Cà Mau, nhưng đến nay chưa được trung ương xem xét, giải quyết.

c) Dịch bệnh triền miên, đặc biệt là dịch viêm phổi cấp do corona vi rút đã làm gián đoạn các hoạt động triển khai thực hiện các hạng mục công việc của Dự án (từ đầu năm 2020 đến nay, các hoạt động bị đình trệ, các địa phương đều phải gồng mình cho công tác chống dịch).

## **Phần thứ hai**

### **NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN 513 TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

Căn cứ nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại các Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012, Quyết định số 874/QĐ-TTg ngày 25/5/2016 và kết quả triển khai thực hiện Dự án 513 nêu trên, Bộ Nội vụ đề nghị trong 6 tháng cuối năm 2020 các Bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương hoàn thành các công việc còn lại như sau:

#### **I. ĐỐI VỚI BỘ NỘI VỤ**

##### **1. Nhiệm vụ chủ trì thực hiện Dự án**

Tổng hợp, xây dựng Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Dự án 513.

##### **2. Các nhiệm vụ khác**

a) Hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án xác định ranh giới quản lý hành chính biên, đảo giữa 28 đơn vị hành chính cấp tỉnh, 129 đơn vị hành chính cấp huyện và 610 đơn vị hành chính cấp xã có biển.

b) Hướng dẫn một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có vướng mắc về địa giới hành chính do sai sót của hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính lập khi thực hiện Chỉ thị số 364-CT hiệp thương, thống nhất phương án xác định địa giới hành chính.

c) Tổ chức thẩm định công nhận số lượng, chất lượng sản phẩm Dự án 513 của các địa phương.

d) Tổ chức hội nghị tổng kết công tác triển khai thực hiện Dự án 513.

#### **II. ĐỐI VỚI BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

## **1. Về việc chịu trách nhiệm kỹ thuật triển khai thực hiện Dự án**

a) Phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc hoàn thiện hồ sơ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án xác định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo giữa các địa phương có biển.

b) Căn cứ kết quả phê duyệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nêu tại điểm a khoản 1 mục II phần thứ hai này để tổ chức bàn giao bản đồ địa hình trên biển cho các địa phương có biển hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính.

c) Hoàn thành kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính của 51/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

## **2. Về nhiệm vụ khác**

a) Triển khai xác định địa giới hành chính trên thực địa tại 02 khu vực giữa tỉnh Hòa Bình và tỉnh Ninh Bình theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 22/5/2020 của Chính phủ; 01 khu vực giữa tỉnh Hòa Bình và tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 22/5/2020 của Chính phủ.

b) Hướng dẫn những địa phương có vướng mắc về địa giới hành chính do sai sót của hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính lập khi thực hiện Chỉ thị số 364-CT về kỹ thuật xác định đường địa giới hành chính.

c) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính và tổ chức tập huấn, cung cấp sản phẩm cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính đến các Bộ, cơ quan, địa phương.

## **III. ĐỐI VỚI BỘ TÀI CHÍNH**

Hướng dẫn, kiểm tra công tác giải ngân nguồn kinh phí ngân sách trung ương cấp cho các Bộ, ngành và hỗ trợ các tỉnh triển khai thực hiện Dự án 513.

## **IV. ĐỐI VỚI UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

1. Gửi hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của địa phương đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật theo quy định.

2. Lập hồ sơ đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, tổ chức hội nghị liên ngành trung ương thẩm định công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của địa phương theo yêu cầu của Dự án 513.

3. Gửi đến Bộ Nội vụ báo cáo tổng kết công tác triển khai thực hiện Dự án 513 tại địa phương.

Trên đây là báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện Dự án 513 của các Bộ, ngành, địa phương từ năm 2012 đến hết tháng 6/2020 và nhiệm vụ triển khai thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2020.

Trân trọng xin ý kiến các đại biểu dự hội nghị./.

**BỘ NỘI VỤ**



**Phụ lục II**

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT BẤT CẬP VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH**

TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Cấp tỉnh (khu vực)		Cấp huyện (khu vực)		Cấp xã (khu vực)	
		Tổng số	Đã giải quyết	Tổng số	Đã giải quyết	Tổng số	Đã giải quyết
1	Hà Nội	0	0	0	0	0	0
2	Hồ Chí Minh	12	3	25	18	121	121
3	Hải Phòng	4	3	10	10	114	114
4	Đà Nẵng	2	0	0	0	0.00	0
5	Cần Thơ	3	3	0	0	24	24
6	An Giang	0	0	9	9	165	165
7	BR-VT	0	0	0	0	0	0
8	Bạc Liêu	4	4	5	5	14	14
9	Bắc Giang	0	0	0	0	0	0
10	Bắc Ninh	0	0	0	0	312	312
11	Bắc Kạn	7	6	11	11	63	63
12	Bến Tre	2	0	0	0	0	0
13	Bình Dương	9	5	0	0	0	0
14	Bình Định	2	1	5	4	27	26
15	Bình Phước	0	0	0	0	14	14
16	Bình Thuận	0	0	3	3	7	7
17	Cà Mau	2	2	2	2	21	21
18	Cao Bằng	6	6	18	18	34	34
19	Đắk Lắk	4	4	0	0	0	0
20	Đắk Nông	12	12	0	0	1	1
21	Điện Biên	16	15	8	8	70	70
22	Đồng Nai	13	13	39	39	97	97
23	Đồng Tháp	4	4	8	8	40	40
24	Gia Lai	3	3	0	0	0	0
25	Hà Giang	13	13	26	26	126	126
26	Hà Nam	3	0	5	0	128	128
27	Hà Tĩnh	5	5	22	21	99	97
28	Hải Dương	5	4	0	0	23	23
29	Hậu Giang	2	2	0	0	0	0
30	Hòa Bình	5	4	2	0	3	0
31	Hung Yên	4	4	15	14	43	41
32	Khánh Hòa	1	1	0	0	39	39
33	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0
34	Kon Tum	4	4	1	1	0	0
35	Lai Châu	7	4	10	10	45	45



TT	Tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Cấp tỉnh (khu vực)		Cấp huyện (khu vực)		Cấp xã (khu vực)	
		Tổng số	Đã giải quyết	Tổng số	Đã giải quyết	Tổng số	Đã giải quyết
36	Lạng Sơn	0	0	0	0	167	167
37	Lào Cai	6	5	28	28	192	192
38	Lâm Đồng	2	2	0	0	212	212
39	Long An	0	0	0	0	133	133
40	Nam Định	0	0	0	0	16	0
41	Nghệ An	0	0	50	50	175	175
42	Ninh Bình	13	13	17	17	75	58
43	Ninh Thuận	0	0	2	2	8	8
44	Phú Thọ	0	0	0	0	88	38
45	Phú Yên	1	0	0	0	0	0
46	Quảng Bình	0	0	0	0	8	0
47	Quảng Nam	0	0	0	0	0	0
48	Quảng Ngãi	2	0	7	7	48	48
49	Quảng Ninh	3	2	11	11	47	47
50	Quảng Trị	2	2	0	0	11	11
51	Sóc Trăng	0	0	0	0	58	58
52	Sơn La	31	31	74	74	132	132
53	Tây Ninh	8	8	31	31	49	49
54	Thái Bình	0	0	0	0	0	0
55	Thái Nguyên	1	1	0	0	585	585
56	Thanh Hóa	1	0	0	0	23	23
57	TT-Huế	3	2	17	17	33	33
58	Tiền Giang	1	0	0	0	0	0
59	Trà Vinh	0	0	1	1	4	4
60	Tuyên Quang	22	19	9	9	60	60
61	Vĩnh Phúc	2	0	1	0	2	0
62	Vĩnh Long	4	3	9	9	4	4
63	Yên Bái	13	12	19	19	75	75
<b>Cộng</b>		<b>269</b>	<b>225</b>	<b>500</b>	<b>482</b>	<b>3,835</b>	<b>3,734</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện về việc sắp xếp các  
đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã  
(Tài liệu phục vụ giao ban trực tuyến)**

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, Bộ Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, cụ thể như sau:

**1. Về triển khai chủ trương sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã**

Cụ thể hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 ban hành kèm theo Kế hoạch thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; Bộ Nội vụ ban hành Văn bản số 2115/BNV-CQĐP ngày 16/5/2019 hướng dẫn mẫu hồ sơ đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

Căn cứ các quy định của Đảng và Nhà nước nêu trên, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã chủ động thực hiện việc rà soát số liệu để xác định số lượng các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 50% theo quy định, thuộc diện phải thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021. Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã xem xét, sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện khuyến khích<sup>1</sup>. Theo đó, có 45 tỉnh, thành phố xây dựng phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Bộ Nội vụ đã có ý kiến bằng văn bản đối với phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trên cơ sở đó, các địa phương đã xây dựng đề án chi tiết, tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn và thông qua Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định.

Trên cơ sở đề nghị của các địa phương, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và ban hành

<sup>1</sup> Những ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp là những ĐVHC không thuộc diện bắt buộc phải sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021, nhưng các địa phương tự nguyện tiến hành sắp xếp trong đợt này.



các nghị quyết sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của 43 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đối với 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa hoàn thành (gồm: Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Kiên Giang), thì Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến sẽ trình trong tháng 10/2020<sup>2</sup>; còn tỉnh Kiên Giang có 01 ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp là xã Hòn Thơm (huyện Phú Quốc) sẽ sáp nhập với thị trấn An Thới khi trình Đề án thành lập thành phố Phú Quốc<sup>3</sup>.

Như vậy, đến nay đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

## **2. Về số lượng các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021**

Tổng hợp số liệu của 43 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành các nghị quyết sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, thì số lượng các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021 là:

### **a) Số lượng các ĐVHC cấp huyện thực hiện sắp xếp:**

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tiến hành sắp xếp đối với 18 ĐVHC cấp huyện (trong đó: có 09 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 01 đơn vị thuộc diện khuyến khích sắp xếp<sup>4</sup> và 08 đơn vị liên kết có liên quan đến sắp xếp). Còn 10 ĐVHC cấp huyện thuộc diện phải sắp xếp nhưng các địa phương đề nghị chưa tiến hành sắp xếp trong đợt này<sup>5</sup>. Trong đó, số phương án 02 ĐVHC cấp huyện nhập nguyên trạng thành 01 ĐVHC cấp huyện mới: có 06 trường hợp; số phương án điều chỉnh địa giới ĐVHC nhưng không làm giảm ĐVHC cấp huyện: có 03 trường hợp.

Kết quả số lượng ĐVHC cấp huyện giảm là 06 đơn vị. Trong đó: tỉnh Cao Bằng giảm 03 huyện (03/13 ĐVHC cấp huyện, tỷ lệ giảm 20,08%); tỉnh Quảng Ngãi giảm 01 huyện (01/14 ĐVHC cấp huyện, tỷ lệ giảm 7,14%); tỉnh Quảng Ninh giảm 01 huyện (01/14 cấp huyện, tỷ lệ giảm 7,14%); tỉnh Hòa Bình giảm 01 huyện (01/15 ĐVHC cấp huyện, tỷ lệ giảm 6,67%); các tỉnh Yên Bái, Điện Biên có điều chỉnh địa giới để sắp xếp các ĐVHC cấp huyện nhưng không làm giảm số lượng ĐVHC cấp huyện.

### **b) Số lượng các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp:**

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tiến hành sắp xếp đối với 1.027 ĐVHC cấp xã (trong đó: có 532 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 112

<sup>2</sup> Thành phố Hồ Chí Minh có 15 ĐVHC cấp xã có 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số đều dưới 50% theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021.

<sup>3</sup> UBND tỉnh Kiên Giang đã có Tờ trình kèm hồ sơ đề án thành lập thành phố Phú Quốc gửi Bộ Nội vụ. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tiến hành thẩm định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

<sup>4</sup> Tỉnh Quảng Ninh đề nghị sáp nhập huyện Hoảng Bồ với thành phố Hạ Long.

<sup>5</sup> Trong đó có 04 ĐVHC cấp huyện đặc thù về vị trí địa lý do nằm cách biệt nên không thể sắp xếp được với ĐVHC cùng cấp liên kết là: Cô Tô (Quảng Ninh), Bạch Long Vỹ (Hải Phòng), Côn Cỏ (Quảng Trị), Tân Phú Đông (Tiền Giang).



đơn vị thuộc diện khuyến khích sắp xếp và 383 đơn vị liền kề có liên quan đến sắp xếp). Còn 99 ĐVHC cấp xã thuộc diện phải sắp xếp nhưng các địa phương đề nghị chưa tiến hành sắp xếp trong đợt này. Trong đó, số phương án 04 ĐVHC cấp xã nhập nguyên trạng thành 01 ĐVHC cấp xã mới: 04 trường hợp; số phương án 03 ĐVHC cấp xã nhập nguyên trạng thành 01 ĐVHC cấp xã mới: 84 trường hợp; số phương án 02 ĐVHC cấp xã nhập nguyên trạng thành 01 ĐVHC cấp xã mới: 329 trường hợp; số phương án điều chỉnh địa giới ĐVHC có làm giảm ĐVHC cấp xã: có 48 trường hợp; số phương án điều chỉnh địa giới ĐVHC nhưng không làm giảm ĐVHC cấp xã: có 06 trường hợp.

Kết quả số lượng ĐVHC cấp xã giảm là 546 đơn vị. Trong đó có những tỉnh giảm nhiều như: Hòa Bình giảm 59/210 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 28,09%); Cao Bằng giảm 38/199 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 19,10%); Phú Thọ giảm 52/277 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 18,77%); Hà Tĩnh giảm 46/262 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 17,56%); Thanh Hóa giảm 76/635 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 11,97%); Quảng Trị giảm 16/141 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 11,35%); Lạng Sơn giảm 26/226 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 11,50%); Hải Dương giảm 29/264 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ giảm 10,98%)...

### **3. Về sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức sau khi sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã**

Theo báo cáo của 43 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, cho thấy:

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí, sắp xếp đúng quy định và số dôi dư phải giải quyết các chính sách:

- Đối với việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện: dự kiến tại các ĐVHC cấp huyện mới hình thành sẽ bố trí số cán bộ, công chức đúng quy định là 1.062 người; số dôi dư là 428 người;

- Đối với sắp xếp các ĐVHC cấp xã: dự kiến tại các ĐVHC cấp xã mới hình thành sẽ bố trí số cán bộ, công chức cấp xã đúng quy định là 10.043 người; số cán bộ, công chức cấp xã dôi dư là 9.534 người; bố trí số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đúng quy định là 8.816 người; số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư là 6.913 người.

b) Phương án, lộ trình giải quyết chính sách đối với số cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư:

Trong Đề án của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các địa phương đều cam kết và có phương án, lộ trình chi tiết giải quyết dứt điểm số cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư trước năm 2022. Tuy nhiên, sau khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và ban hành các nghị quyết về thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã, các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện đã có báo cáo, phản ánh về Bộ



Nội vụ là việc giải quyết các chính sách đối với những người dôi dư gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, khó bảo đảm hoàn thành trước năm 2022. Cụ thể, trong giai đoạn 2019 - 2021, các địa phương có phương án giải quyết dứt điểm được số cán bộ, công chức cấp huyện dôi dư là 146 người<sup>6</sup>; giải quyết được số cán bộ, công chức cấp xã dôi dư là 7.006 người<sup>7</sup> và giải quyết được số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư là 6.705 người<sup>8</sup>.

Đối với số cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư còn lại đến nay các địa phương vẫn còn lúng túng, chưa có phương án giải quyết<sup>9</sup>.

Để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 28-HD/BTCTW ngày 28/02/2020 và Bộ Nội vụ ban hành Hướng dẫn số 2605/HĐ-BNV ngày 25/5/2020 về việc thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Trường hợp các địa phương vẫn còn có khó khăn về các cơ chế, chính sách, về nguồn lực để giải quyết, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

#### **4. Về dự kiến giảm chi ngân sách Nhà nước do thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã**

Theo tính toán của các địa phương, khi tiến hành sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của 43 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong đợt này thì dự kiến sẽ giảm chi ngân sách Nhà nước (NSNN) do giảm chi tiền lương, phụ cấp và chi hoạt động trong 05 năm tới (giai đoạn 2020 - 2024) là khoảng 1.431 tỷ đồng (gồm: giảm chi tiền lương và phụ cấp khoảng 511 tỷ đồng; giảm chi hoạt động khoảng 920 tỷ đồng)<sup>10</sup>. Chia ra:

---

<sup>6</sup>Cụ thể từng năm: Năm 2019 là 22 người (chia ra: nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu theo quy định của Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là 11 người; nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 06 người; bố trí sang các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác còn chỉ tiêu biên chế là 05 người); năm 2020 là 71 người (chia ra: nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu theo quy định của Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là 25 người; nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 39 người; bố trí sang các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác còn chỉ tiêu biên chế là 07 người); năm 2021 là 53 người (chia ra: nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu theo quy định của Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là 17 người; nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 23 người; bố trí sang các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác còn chỉ tiêu biên chế là 13 người).

<sup>7</sup>Cụ thể từng năm: Năm 2019 là 469 người (chia ra: nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu theo quy định của Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là 125 người; nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 173 người; tuyển dụng thành công chức cấp tỉnh, cấp huyện là 48 người; bố trí sang các ĐVHC cấp xã khác còn chỉ tiêu biên chế là 123 người); năm 2020 là 4.064 người (chia ra: nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu theo quy định của Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là 630 người; nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 1.845 người; tuyển dụng thành công chức cấp tỉnh, cấp huyện là 313 người; bố trí sang các ĐVHC cấp xã khác còn chỉ tiêu biên chế là 1.276 người); năm 2021 là 2.473 người (chia ra: nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu theo quy định của Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là 521 người; nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế là 828 người; tuyển dụng thành công chức cấp tỉnh, cấp huyện là 149 người; bố trí sang các ĐVHC cấp xã khác còn chỉ tiêu biên chế là 975 người).

<sup>8</sup>Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư thì hưởng các chế độ, chính sách theo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, cụ thể giải quyết trong năm 2019 là 1.508 người; năm 2020 là 4.809 người; năm 2021 là 388 người.

<sup>9</sup>Gồm: 282 cán bộ, công chức cấp huyện; 2.528 cán bộ, công chức cấp xã và 208 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

<sup>10</sup>Chưa bao gồm giảm chi xây dựng mới, sử dụng trụ sở làm việc, mua sắm ô tô, trang thiết bị làm việc...



a) Năm 2020: giảm chi NSNN khoảng 481 tỷ đồng. Trong đó: giảm chi tiền lương, phụ cấp khoảng 297 tỷ đồng; giảm chi hoạt động khoảng 184 tỷ đồng (gồm: đối với cấp huyện: giảm chi hoạt động khoảng 17 tỷ đồng; đối với cấp xã: giảm chi hoạt động khoảng 167 tỷ đồng).

b) Năm 2021: giảm chi NSNN khoảng 305 tỷ đồng. Trong đó: giảm chi tiền lương, phụ cấp khoảng 121 tỷ đồng; giảm chi hoạt động khoảng 184 tỷ đồng (gồm: đối với cấp huyện: giảm chi hoạt động khoảng 17 tỷ đồng; đối với cấp xã: giảm chi hoạt động khoảng 167 tỷ đồng).

c) Năm 2022: giảm chi NSNN khoảng 215 tỷ đồng. Trong đó: giảm chi tiền lương, phụ cấp khoảng 31 tỷ đồng; giảm chi hoạt động khoảng 184 tỷ đồng (gồm: đối với cấp huyện: giảm chi hoạt động khoảng 17 tỷ đồng; đối với cấp xã: giảm chi hoạt động khoảng 167 tỷ đồng).

d) Năm 2023: giảm chi NSNN khoảng 217 tỷ đồng. Trong đó: giảm chi tiền lương, phụ cấp khoảng 33 tỷ đồng; giảm chi hoạt động khoảng 184 tỷ đồng (gồm: đối với cấp huyện: giảm chi hoạt động khoảng 17 tỷ đồng; đối với cấp xã: giảm chi hoạt động khoảng 167 tỷ đồng).

đ) Năm 2024: giảm chi NSNN khoảng 213 tỷ đồng. Trong đó: giảm chi tiền lương, phụ cấp khoảng 29 tỷ đồng; giảm chi hoạt động khoảng 184 tỷ đồng (gồm: đối với cấp huyện: giảm chi hoạt động khoảng 17 tỷ đồng; đối với cấp xã: giảm chi hoạt động khoảng 167 tỷ đồng).

## **5. Đánh giá chung về những kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế**

### **a) Những thuận lợi**

- Các quy định của Đảng và Nhà nước về việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã được ban hành đồng bộ, kịp thời. Việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước, nhằm mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của các địa phương; phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương các cấp;

- Việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã được tiến hành trên cơ sở thống nhất và đồng hành của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn; cấp ủy đảng, chính quyền các cấp ở địa phương cơ bản đã nghiêm túc thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Trong quá trình thực hiện, các địa phương đã chú trọng công tác tuyên truyền, vận động nên nhận được sự đồng tình, ủng hộ cao của Nhân dân, thể hiện qua việc nhiều địa phương khi tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn về phương án, đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã nhận được kết quả đồng ý với tỷ lệ rất cao;

- Điều kiện về hạ tầng cơ sở ở các địa phương và việc ứng dụng công nghệ thông tin vào chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công của chính quyền



các cấp đã tạo ra rất nhiều thuận lợi để thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã;

- Các ĐVHC cấp huyện, cấp xã được sáp nhập cơ bản có nhiều nét tương đồng về yếu tố đặc thù như vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, lối sống cộng đồng dân cư hoặc do lịch sử đã được tách ra từ một ĐVHC trong các giai đoạn trước đây. Do đó, đã gặp nhiều thuận lợi trong việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đợt này;

- Hồ sơ đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của các địa phương đã chú trọng xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giải quyết chế độ, chính sách đối với những người dôi dư theo kế hoạch, lộ trình cụ thể. Đây là điểm rất thuận lợi khi triển khai việc sáp nhập các ĐVHC theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Sau khi có Nghị quyết về sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã khẩn trương ban hành kế hoạch và nghiêm túc triển khai thực hiện sáp nhập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; hợp nhất các tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội; sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức gắn với công tác nhân sự đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đến nay, tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã mới hình thành sau sắp xếp đã vận hành ổn định; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn được bảo đảm.

b) Những tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc:

- Bên cạnh hầu hết các địa phương đã triển khai thực hiện tốt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thì vẫn còn một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến độ thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã vẫn chậm so với lộ trình kế hoạch đề ra (trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh xin lùi thời hạn sắp xếp sau khi tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025);

- Vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức ở các ĐVHC cấp huyện, cấp xã phải sắp xếp chưa ủng hộ việc sáp nhập, có tư tưởng trì hoãn do lo lắng sẽ ảnh hưởng đến vị trí công tác sau khi sắp xếp;

- Nếu không tính 04 huyện đảo, cù lao do có yếu tố đặc thù nằm biệt lập nên không thực hiện sắp xếp thì các địa phương chỉ tiến hành sắp xếp được 09/15 ĐVHC cấp huyện. Điều đó, chứng tỏ vẫn còn một số địa phương chưa quyết tâm thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện. Sau sắp xếp, số lượng các ĐVHC cấp huyện chỉ giảm được 06/15/713 ĐVHC cấp huyện (đạt tỷ lệ giảm là 0,8% trên tổng số ĐVHC cấp huyện của cả nước);

- Nhiều ĐVHC cấp huyện, cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp vẫn chưa bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định, nhưng nhiều địa phương chưa lý



giải rõ được các yếu tố đặc thù nên không thể sắp xếp thêm ĐVHC cùng cấp khác liền kề;

- Nhiều địa phương khi tiến hành sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã kết hợp với việc mở rộng không gian đô thị (như: nhập huyện vào thành phố, thị xã; nhập xã vào thị trấn, phường). Vì vậy, trước mắt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đô thị của những ĐVHC mới thực hiện sắp xếp, đòi hỏi trong thời gian tới phải có kế hoạch, nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng đô thị tại những ĐVHC này nhằm bảo đảm đạt các tiêu chuẩn về đô thị theo quy định;

- Khi nhập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thì các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của ĐVHC mới hình thành sẽ phải sử dụng trụ sở làm việc hiện có của một trong các ĐVHC cũ. Vì vậy, trước mắt tại một số địa phương việc bố trí trung tâm hành chính chưa thực sự phù hợp, chưa bảo đảm thuận lợi cho công việc giao dịch của một bộ phận dân cư trên địa bàn (nhất là ở khu vực miền núi, vùng cao); đòi hỏi về lâu dài phải rà soát, quy hoạch lại trung tâm hành chính để thuận lợi phục vụ các nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn;

- Việc sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư khi thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã gắn với công tác nhân sự đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 còn gặp một số khó khăn. Mặc dù, Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 32/NQ-CP của Chính phủ đã quy định việc sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ, chính sách dôi dư thực hiện theo quy định hiện hành<sup>11</sup>. Tuy nhiên, theo phản ánh của nhiều địa phương thì vẫn còn tồn đọng một số lượng cán bộ, công chức dôi dư khi thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã do chưa sắp xếp, bố trí, giải quyết ngay được. Đặc biệt, trong thời điểm các địa phương đang triển khai thực hiện Nghị định số 34/2019/CP-NĐ ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố<sup>12</sup> và thực hiện chủ trương bố trí công an chính quy về công tác tại các xã, thị trấn.

c) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc:

- Tiến độ sắp xếp các ĐVHC chậm so với kế hoạch, lộ trình đề ra, nguyên nhân do đây là nhiệm vụ rất khó khăn, phức tạp, các địa phương phải cân nhắc kỹ khi xây dựng các phương án (nhiều địa phương phải thảo luận tại nhiều cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy). Sau đó, phải tiến hành theo các trình tự, thủ tục quy định gồm: tổ chức lấy ý kiến cử tri trên địa bàn (một số địa phương tổ chức lấy ý kiến lần 1 chưa đạt 50% đồng ý;

<sup>11</sup> Bao gồm: Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế...

<sup>12</sup> Theo đó, quy định tại mỗi ĐVHC cấp xã giảm 02 cán bộ, công chức cấp xã; giảm từ 07-09 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.



phải tiến hành tuyên truyền, vận động để tổ chức lấy ý kiến lần 2); tiếp đó, thông qua HĐND các cấp (từ cấp xã đến cấp huyện và cấp tỉnh). Trong khi đó, nhiều địa phương do số ĐVHC cấp huyện, cấp xã sắp xếp không nhiều nên không tổ chức kỳ họp bất thường mà phải chờ kỳ họp HĐND các cấp thường kỳ diễn ra cuối năm 2019 mới xem xét, thông qua;

- Việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2021, nhưng phải hoàn thành trong quý I năm 2020 nên thời gian gấp, gần sát với thời điểm các địa phương chuẩn bị đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 (nhất là ở cấp xã). Vì vậy, các địa phương gặp nhiều lúng túng, khó khăn trong thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã và công tác chuẩn bị đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo, triển khai thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã do vẫn còn tâm lý không muốn giảm số lượng ĐVHC ở địa phương mình. Một số cán bộ, công chức tại các ĐVHC thuộc diện sắp xếp có tâm lý muốn ổn định, tiếp tục làm việc tại ĐVHC cũ nên tìm các lý do để không tiến hành sắp xếp ĐVHC ở nơi mình đang công tác;

- Đối với các địa phương tiến hành nhập từ 02-04 ĐVHC để hình thành 01 ĐVHC mới thì số lượng cán bộ, công chức dôi dư rất lớn. Trong khi số lượng những người nghỉ hưu đúng tuổi, giải quyết theo chính sách tinh giản biên chế chưa nhiều. Nên các địa phương gặp khó khăn khi sắp xếp, bố trí và giải quyết đối với những người dôi dư.

## **6. Một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới**

a) Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang khẩn trương thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã; dự kiến nhân sự để chuẩn bị đại hội đảng bộ cấp xã, cấp huyện nhiệm kỳ 2020 – 2025, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan sẽ thường xuyên phối hợp với các địa phương kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã ở các địa phương để giải quyết, tháo gỡ theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Theo phân công của Chính phủ, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để hướng dẫn việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và thực hiện chính sách đối với người dôi dư khối chính quyền ở những địa phương thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã tại các địa phương;

c) Chuẩn bị tiến hành tổng kết việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021; xây dựng kế hoạch, lộ trình sắp xếp ĐVHC



các cấp trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 báo cáo Chính phủ đề trình Bộ Chính trị và Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

d) Rà soát các quy định pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn của ĐVHC các cấp đề báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yếu tố đặc thù như vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, phong tục, tập quán, cộng đồng dân cư, yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; phù hợp với điều kiện mới hiện nay, có dự báo trong tương lai để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị ở các địa phương và cả nước.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021./.

**BỘ NỘI VỤ**

